



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Thành viên
Bà Trịnh Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Chung	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Văn Minh - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Số: 066 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (dưới đây gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoàn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.060.571.537	133.383.898.878
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	15.166.072.684	12.360.154.682
1. Tiền	111		6.166.072.684	2.360.154.682
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.958.176.253	9.758.700.349
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.344.471.100	6.720.507.634
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.770.547.518	1.993.394.256
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.339.575.043	1.541.215.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(496.417.408)	(496.417.408)
IV. Hàng tồn kho	140	11	126.326.105.029	108.902.943.341
1. Hàng tồn kho	141		126.326.105.029	108.902.943.341
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		610.217.571	362.100.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	150.751.709	155.712.279
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.975.805	206.388.227
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	27.490.057	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.922.640.534	61.027.029.769
I. Tài sản cố định	220		35.159.473.574	40.104.018.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	35.159.473.574	40.104.018.542
- Nguyên giá	222		112.723.396.007	112.670.196.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.563.922.433)	(72.566.177.465)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	20.039.000.000	20.039.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.039.000.000	20.039.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		724.166.960	884.011.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	724.166.960	884.011.227
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		208.983.212.071	194.410.928.647

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31.714.236.581	20.000.729.018
I. Nợ ngắn hạn	310		31.714.236.581	20.000.729.018
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.595.478.814	5.505.885.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	5.480.224.272	639.899.427
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.694.318.249	1.105.874.460
4. Phải trả người lao động	314		3.911.157.759	4.011.858.548
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	275.047.349	343.035.162
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		454.545	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	8.959.483.904	3.873.635.391
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.798.071.689	4.520.540.934
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.268.975.490	174.410.199.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	177.268.975.490	174.410.199.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.946.973.192	13.874.610.335
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.400.002.298	65.613.589.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		54.272.729.304	52.408.875.072
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.127.272.994	13.204.714.222
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		208.983.212.071	194.410.928.647



Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026



Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng






Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		230.862.668.782	238.935.229.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.069.628.481	1.152.752.408
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	229.793.040.301	237.782.477.047
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	197.312.449.282	202.716.554.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.480.591.019	35.065.922.891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.575.052.412	2.896.665.214
7. Chi phí tài chính	22	26	2.195.946.116	5.016.695.367
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		188.465.947	162.301.300
8. Chi phí bán hàng	25	27	3.755.190.634	4.045.614.824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.079.396.243	14.391.893.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		16.025.110.438	14.508.384.311
11. Thu nhập khác	31	28	98.105.642	1.697.575.935
12. Chi phí khác	32		1.624.837	67.469
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		96.480.805	1.697.508.466
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.121.591.243	16.205.892.777
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.994.318.249	3.001.178.555
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.127.272.994	13.204.714.222
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.383	1.335


Lê Thị Nhung
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026


Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng


Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc



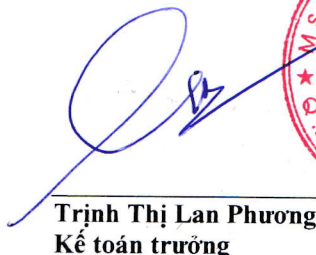
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

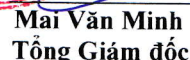
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	237.544.912.411	237.301.808.755
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(204.975.044.461)	(183.051.295.407)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.515.655.300)	(18.897.280.613)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(176.456.714)	(194.317.130)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.401.178.555)	(3.339.158.539)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.515.898.853	1.264.356.700
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.743.013.932)	(10.772.223.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.249.462.302	22.311.890.761
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(668.200.000)	(543.669.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.000.000	50.700.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.500.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.500.000.000	17.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.628.171.001	2.059.991.622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.969.971.001	11.567.022.222
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	75.944.182.734	30.214.686.553
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.858.334.221)	(47.717.182.595)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.406.351.487)	(26.994.696.042)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.813.081.816	6.884.216.941
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.360.154.682	5.478.280.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.163.814)	(2.342.689)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	15.166.072.684	12.360.154.682



Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026


Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng




Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13 tháng 01 năm 2004; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 10 năm 2025. Công ty có trụ sở tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 94.922.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 143 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 172 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và buôn bán các loại quạt dân dụng, quạt công nghiệp và lồng quạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Thông tin trên báo cáo tài chính của Công ty có thể so sánh được.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	Hải Phòng	49%	49%	Kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác,

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng, phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa và các loại máy móc, công cụ được không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân loại lại với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 32
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong năm là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	Công ty liên kết
Bà Nguyễn Thu Hà	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể - Vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	255.822.792	768.543.641
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.910.249.892	1.591.611.041
Các khoản tương đương tiền (i)	9.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	15.166.072.684	12.360.154.682

Ghi chú:

- (i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 4,7% đến 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

Ghi chú:

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất 4,5%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan (i)	20.039.000.000	(*)	20.039.000.000	(*)

Ghi chú:

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2018, có trụ sở tại số 20 Đình Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, vốn điều lệ 40.895.700.000 VND. Công ty góp 20.039.000.000 VND tương ứng với 49% vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất 572,4 m² và tài sản trên đất tại 20 Đình Tiên Hoàng. Tỷ lệ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ phân chia rủi ro và lợi nhuận là 50:50.

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập để đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án tòa nhà thương mại Phong Lan tại địa chỉ 20 Đình Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trong năm 2025, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường, kết quả sản xuất kinh doanh có lãi và có lãi lũy kế; trong năm có giao dịch chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai	1.471.214.200	2.126.194.130
Công ty Cổ phần Nam Thuận Nghệ An	590.113.020	-
Cửa hàng Bàn Hăng	450.921.925	477.921.135
Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	-	1.745.810.600
Nhà phân phối Nguyễn Văn Thuật	-	749.169.121
Các đối tượng khác	832.221.955	1.621.412.648
Cộng	3.344.471.100	6.720.507.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNGSố 734 Nguyễn Văn Linh - phường An Biên -
thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
ANK Company	3.436.755.040	398.705.670
Công ty TNHH Chuẩn Tín	1.146.636.000	259.104.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Cường Vinh	-	1.219.465.098
Các đối tượng khác	187.156.478	116.119.488
Cộng	4.770.547.518	1.993.394.256

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.339.575.043	-	1.541.215.867	-
Tạm ứng	-	-	115.381.000	-
Phải thu khác	1.339.575.043	-	1.425.834.867	-
- Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	38.750.940	-	47.702.050	-
- Lãi dự thu	20.561.644	-	33.320.548	-
- Bảo hiểm xã hội Lê Chân	90.140.064	-	92.155.560	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.150.000.000	-	1.200.000.000	-
- Phải thu khác	40.122.395	-	52.656.709	-

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	Năm	VND	VND	Năm
Công ty TNHH Dây - Cáp và Vật liệu điện Kevin	219.062.690	-	Trên 3 năm	219.062.690	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Trương Hoàng Phương	119.855.600	-	Trên 3 năm	119.855.600	-	Trên 3 năm
Cửa hàng Tuấn Dung	13.185.117	-	Trên 3 năm	13.185.117	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Điện cơ 1991	119.012.498	-	Trên 3 năm	119.012.498	-	Trên 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân Điện cơ Tây Đô	9.282.625	-	Trên 3 năm	9.282.625	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Việt Hàn	6.330.516	-	Trên 3 năm	6.330.516	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quạt điện Việt Nam	4.687.062	-	Trên 3 năm	4.687.062	-	Trên 3 năm
Bán linh kiện	5.001.300	-	Trên 3 năm	5.001.300	-	Trên 3 năm
Cộng	496.417.408	-		496.417.408	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.303.485.909	-	33.646.047.265	-
Công cụ dụng cụ	289.490.131	-	256.280.226	-
Chi phí SXKD dở dang	9.250.985.138	-	6.715.218.390	-
Thành phẩm	37.958.045.032	-	39.175.281.420	-
Hàng hóa	45.524.098.819	-	29.110.116.040	-
Cộng	126.326.105.029	-	108.902.943.341	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	150.751.709	155.712.279
Phí bảo hiểm	110.881.327	95.764.486
Các khoản chi phí khác	39.870.382	59.947.793
b) Dài hạn	724.166.960	884.011.227
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	349.329.630	822.148.516
Chi phí sửa chữa	351.559.204	16.460.776
Các khoản chi phí khác	23.278.126	45.401.935
Cộng	874.918.669	1.039.723.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	67.822.101.454	38.019.190.601	6.629.203.897	199.700.055	112.670.196.007
Mua sắm mới	-	48.200.000	245.000.000	-	293.200.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(240.000.000)	-	(240.000.000)
Tại ngày cuối năm	67.822.101.454	38.067.390.601	6.634.203.897	199.700.055	112.723.396.007
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	37.028.347.271	30.093.978.932	5.270.712.992	173.138.270	72.566.177.465
Khấu hao trong năm	2.495.900.988	2.425.041.405	305.243.848	11.558.727	5.237.744.968
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(240.000.000)	-	(240.000.000)
Tại ngày cuối năm	39.524.248.259	32.519.020.337	5.335.956.840	184.696.997	77.563.922.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	30.793.754.183	7.925.211.669	1.358.490.905	26.561.785	40.104.018.542
Tại ngày cuối năm	28.297.853.195	5.548.370.264	1.298.247.057	15.003.058	35.159.473.574

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 29.217.253.992 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 33.450.271.761 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 41.197.639.041 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34.867.451.268 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	120.000.000	120.000.000
Tại ngày cuối năm	120.000.000	120.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	120.000.000	120.000.000
Tại ngày cuối năm	120.000.000	120.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 120.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 120.000.000 VND).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Đỏ	2.418.433.332	2.418.433.332	274.176.210	274.176.210
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại - Dịch vụ Cường Vinh	2.001.039.975	2.001.039.975	-	-
Công ty TNHH Tân Thành	421.974.360	421.974.360	1.230.256.534	1.230.256.534
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai	-	-	1.001.863.080	1.001.863.080
Công ty Cổ phần Thép Ngũ Phúc	-	-	605.910.028	605.910.028
Phải trả các đối tượng khác	1.754.031.147	1.754.031.147	2.393.679.244	2.393.679.244
Cộng	6.595.478.814	6.595.478.814	5.505.885.096	5.505.885.096

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Tân Thành	3.460.000.000	-
Cửa hàng Hưng Chanh	281.797.927	100.467.485
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Gia Nguyễn	109.955.671	150.765.018
Đối tượng khác	1.628.470.674	388.666.924
Cộng	5.480.224.272	639.899.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	59.069.106	59.069.106	-
Thuế giá trị gia tăng	-	1.755.988.796	1.755.988.796	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.101.178.555	2.994.318.249	2.401.178.555	1.694.318.249
Thuế thu nhập cá nhân	4.695.905	614.617.808	619.313.713	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.081.178.888	1.081.178.888	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.105.874.460	6.509.172.847	5.920.729.058	1.694.318.249
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.490.057	-	27.490.057
Tổng	-	27.490.057	-	27.490.057

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi tiền vay	16.339.214	4.329.981
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	258.708.135	338.705.181
Cộng	275.047.349	343.035.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng (i)	8.959.483.904	8.959.483.904	70.858.334.221	75.944.182.734	3.873.635.391	3.873.635.391
Cộng	8.959.483.904	8.959.483.904	70.858.334.221	75.944.182.734	3.873.635.391	3.873.635.391

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2025-HĐCVHM/NHCT166-DIENCOHP ngày 08 tháng 4 năm 2025 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, theo chi tiết như sau:
- Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 10 tháng 4 năm 2025 đến ngày 10 tháng 4 năm 2026.
 - Hạn mức tối đa được giải ngân: 50.000.000.000 VND.
 - Mục đích sử dụng khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Thời hạn vay: Tối đa không quá 06 tháng.
 - Lãi suất: Ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất.
 - Tài sản thế chấp: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo các hợp đồng thế chấp tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	94.922.000.000	12.666.244.168	63.687.003.854	171.275.248.022
Lãi trong năm	-	-	13.204.714.222	13.204.714.222
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.275.663.416	(1.275.663.416)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(510.265.366)	(510.265.366)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Giảm khác	-	(67.297.249)	-	(67.297.249)
Số dư đầu năm nay	94.922.000.000	13.874.610.335	65.613.589.294	174.410.199.629
Lãi trong năm	-	-	13.127.272.994	13.127.272.994
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.320.471.422	(1.320.471.422)	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(528.188.568)	(528.188.568)
Giảm khác	-	(248.108.565)	-	(248.108.565)
Số dư cuối năm nay	94.922.000.000	14.946.973.192	67.400.002.298	177.268.975.490

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận của năm 2024 bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 12/2025/DHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư và phát triển (10% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh) là 1.320.471.422 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh) là 528.188.568 VND.
- Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền (10% vốn điều lệ) là 9.492.200.000 VND.

Trong năm, Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông là 9.019.690.000 VND, đồng thời khấu trừ và nộp thuế 472.510.000 VND thuế TNCN 5% đã khấu trừ.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 94.922.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Hoàng Thanh Hải	26.141.810.000	28%	26.141.810.000	28%
Bà Nguyễn Thu Hà	20.065.800.000	21%	20.065.800.000	21%
Ông Trần Quang Hưng	6.052.760.000	6%	6.052.760.000	6%
Các cổ đông khác	42.661.630.000	45%	42.661.630.000	45%
Cộng	94.922.000.000	100%	94.922.000.000	100%

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)	36.385,36	229,11

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng		
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng	230.862.668.782	238.935.229.455
Cộng	230.862.668.782	238.935.229.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.069.628.481	1.152.752.408
- Chiết khấu thương mại	1.069.628.481	1.152.752.408
Doanh thu thuần về bán hàng	229.793.040.301	237.782.477.047

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	197.312.449.282	202.716.554.156
Cộng	197.312.449.282	202.716.554.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.091.343.503	65.633.246.421
Chi phí nhân công	18.815.914.550	22.857.306.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.237.744.968	5.629.272.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.040.722.206	3.499.546.319
Chi phí bảo hành sản phẩm	757.749.339	864.805.054
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	35.956.680
Chi phí khác bằng tiền	3.856.961.877	3.524.772.887
Cộng	101.800.436.443	102.044.907.322

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.415.357.081	867.556.280
Lợi nhuận, cổ tức được chia	1.150.000.000	1.200.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.009.516.098	826.316.957
Lãi chênh lệch tỷ giá	111.240	2.791.977
Doanh thu hoạt động tài chính khác	67.993	-
Cộng	3.575.052.412	2.896.665.214

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	188.465.947	162.301.300
Chiết khấu thanh toán	1.995.678.562	4.836.912.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.770.473	17.481.494
Chi phí tài chính khác	31.134	-
Cộng	2.195.946.116	5.016.695.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	931.866.436	993.959.612
Chi phí nhân viên	1.370.980.151	1.371.019.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.637.666	334.006.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.957.042	481.823.671
Chi phí bảo hành	757.749.339	864.805.054
Cộng	3.755.190.634	4.045.614.824
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	93.153.503	169.607.430
Chi phí nhân viên	9.282.189.673	9.747.666.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	573.673.987	581.924.921
Thuế, phí và lệ phí	1.095.068.232	1.093.688.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.035.310.848	2.763.050.218
Chi phí dự phòng	-	35.956.680
Cộng	14.079.396.243	14.391.893.603

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hàng khuyến mãi không thu tiền	38.602.389	1.644.141.245
Thanh lý tài sản cố định	10.000.000	50.700.000
Các khoản khác	49.503.253	2.734.690
Cộng	98.105.642	1.697.575.935

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.121.591.243	16.205.892.777
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.150.000.000)	(1.200.000.000)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế - lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết	(1.150.000.000)	(1.200.000.000)
Thu nhập chịu thuế	14.971.591.243	15.005.892.777
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.994.318.249	3.001.178.555

Trong năm, Công ty xác định thu nhập chịu thuế khác biệt so với lợi nhuận kế toán là 1.150.000.000 VND. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	13.127.272.994	13.204.714.222
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(528.188.568)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.127.272.994	12.676.525.654
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.383	1.335
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm trước được trình bày lại do điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 với số tiền là 528.188.568 VND, số lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 trước khi trình bày lại là 1.391 VND/cổ phiếu.

Trong năm 2025, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025; do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm nay không bị ảnh hưởng bởi nghiệp vụ trích quỹ này.

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất đồ điện dân dụng: Quạt điện, lồng quạt...; Ngoài ra kinh doanh thương mại nhập khẩu một số loại quạt điện nhưng trong cùng khu vực. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số Số 734 Nguyễn Văn Linh - phường An Biên - thành phố Hải Phòng. Công ty không có đơn vị phụ thuộc nào tại các địa bàn ngoài tỉnh. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	8.959.483.904	3.873.635.391
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(15.166.072.684)	(12.360.154.682)
Nợ thuần	(6.206.588.780)	(8.486.519.291)
Vốn chủ sở hữu	177.268.975.490	174.410.199.629
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00	0,00

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.166.072.684	12.360.154.682
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.187.628.735	7.649.925.093
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	20.039.000.000	20.039.000.000
Cộng	41.392.701.419	42.049.079.775
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.959.483.904	3.873.635.391
Phải trả người bán	6.595.478.814	5.505.885.096
Chi phí phải trả	275.047.349	343.035.162
Cộng	15.830.010.067	9.722.555.649

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.166.072.684	-	-	15.166.072.684
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.187.628.735	-	-	4.187.628.735
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	20.039.000.000	20.039.000.000
Cộng	21.353.701.419	-	20.039.000.000	41.392.701.419
Tại ngày cuối năm				
Các khoản vay	8.959.483.904	-	-	8.959.483.904
Phải trả người bán	6.595.478.814	-	-	6.595.478.814
Chi phí phải trả	275.047.349	-	-	275.047.349
Cộng	15.830.010.067	-	-	15.830.010.067
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.523.691.352	-	20.039.000.000	25.562.691.352
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.360.154.682	-	-	12.360.154.682
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.649.925.093	-	-	7.649.925.093
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	20.039.000.000	20.039.000.000
Cộng	22.010.079.775	-	20.039.000.000	42.049.079.775
Tại ngày đầu năm				
Các khoản vay	3.873.635.391	-	-	3.873.635.391
Phải trả người bán	5.505.885.096	-	-	5.505.885.096
Chi phí phải trả	343.035.162	-	-	343.035.162
Cộng	9.722.555.649	-	-	9.722.555.649
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.287.524.126	-	20.039.000.000	32.326.524.126

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc tạm ứng cổ tức năm 2025 theo tỷ lệ thực hiện 5%/cổ phiếu bằng tiền mặt, thời gian thực hiện tháng 01 năm 2026.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.280.333.480	1.281.664.611
Ông Hoàng Thanh Hải	306.025.499	317.585.775
Bà Lê Thị Bích Huệ	68.676.000	65.322.000
Ông Mai Văn Minh	345.337.730	345.035.406
Bà Trịnh Thị Lan Phương	269.473.893	269.096.345
Ông Nguyễn Minh Chung	290.820.358	284.625.085
Thu nhập của Ban Kiểm soát	619.857.307	608.541.124
Ông Vũ Duy Anh	227.889.729	223.029.801
Ông Trần Tuấn Linh	221.554.975	219.160.925
Bà Bùi Thị Huệ	170.412.603	166.350.398

Cổ tức chi trả cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.388.486.000	3.388.486.000
Ông Hoàng Thanh Hải	2.614.181.000	2.614.181.000
Bà Lê Thị Bích Huệ	352.625.000	352.625.000
Ông Mai Văn Minh	201.394.000	201.394.000
Bà Trịnh Thị Lan Phương	120.277.000	120.277.000
Ông Nguyễn Minh Chung	100.009.000	100.009.000
Cổ tức trả cho Ban Kiểm soát	32.500.000	111.000.000
Ông Vũ Duy Anh	4.000.000	4.000.000
Bà Bùi Thị Huệ	1.500.000	500.000
Ông Trần Tuấn Linh	27.000.000	106.500.000
Cổ tức trả cho Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	2.006.580.000	2.006.580.000
Bà Nguyễn Thu Hà	2.006.580.000	2.006.580.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với Công ty liên kết

Lợi nhuận được nhận từ công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan		
Cổ tức đã nhận trong năm	1.200.000.000	1.000.000.000
Cổ tức trong năm	1.150.000.000	1.200.000.000

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm (i)	1.036.746.945	1.081.179.206
Cộng	1.036.746.945	1.081.179.206

Ghi chú:

(i) Chi phí thuê hoạt động thể hiện chi phí theo các hợp đồng thuê đất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang có các Hợp đồng thuê đất không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 43/HĐTD ngày 25 tháng 5 năm 2015, giữa Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, địa điểm thuê là khu đất có địa chỉ: 734 Nguyễn Văn Linh, phường An Biên, thành phố Hải Phòng. Tổng diện tích khu đất là 13.820,7 m², mục đích để xây dựng văn phòng và nhà xưởng sản xuất với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Đơn giá thuê hàng năm được xác định bởi Cục Thuế thành phố Hải Phòng.
- Hợp đồng thuê đất số 60/HĐTD ngày 21 tháng 6 năm 2010, giữa Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, địa điểm thuê là khu đất có địa chỉ: phường Đồng Hòa, thành phố Hải Phòng. Tổng diện tích khu đất là 7.653,2 m², mục đích để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Xi nghiệp sản xuất quạt điện chất lượng cao với thời hạn thuê 40 năm từ ngày 18 tháng 8 năm 2006 đến ngày 18 tháng 8 năm 2046. Đơn giá thuê hàng năm được xác định theo quy định của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.



Lê Thị Nhung
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2026



Trịnh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Mai Văn Minh
Tổng Giám đốc